

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 7733 : 2007

Xuất bản lần 1

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC – TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI
CỦA BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN**

Water quality – Effluent standards for leachate of solid waste landfill sites

Lời nói đầu

TCVN 7733 : 2007 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 147 "*Chất lượng nước*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Chất lượng nước – Tiêu chuẩn nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn

Water quality - Effluent standards for leachate of solid waste landfill sites

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các bãi chôn lấp chất thải rắn và quy định giá trị giới hạn của các thông số, nồng độ của các chất ô nhiễm đặc thù trong nước thải của các bãi chôn lấp chất thải rắn khi thải ra môi trường.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

Các tiêu chuẩn viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tiêu chuẩn viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tiêu chuẩn viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất (bao gồm cả sửa đổi).

TCVN 5945 : 2005 Nước thải công nghiệp – Tiêu chuẩn thải;

TCVN 6001 (ISO 5815) Chất lượng nước – Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) – Phương pháp cấy và pha loãng;

TCVN 6491 : 1999 (ISO 6060 : 1989) Chất lượng nước – Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD);

TCVN 6638 : 2000 (ISO 10048 : 1991) Chất lượng nước – Xác định nitơ – Vô cơ hóa sau khi khử bằng hợp kim Devarda

TCVN 6179-1 : 1996 (ISO 7150-1 : 1984) Chất lượng nước – Xác định amoni. Phần 1 : Phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay;

TCVN 6179-2 : 1996 (ISO 7150-2 : 1986) Chất lượng nước – Xác định amoni. Phần 2 : Phương pháp trắc phổ tự động.

3 Thuật ngữ và giải thích

Trong tiêu chuẩn này, sử dụng các thuật ngữ sau và được hiểu là:

3.1

Bãi chôn lấp chất thải rắn (Solid waste landfill sites)

Bãi được qui hoạch về địa điểm, xây dựng đúng qui cách, kết cấu và công năng theo qui định để chôn lấp chất thải rắn.

3.2

Nước rỉ từ các bãi chôn lấp chất thải rắn (Leachate from solid waste landfill sites)

Tất cả các chất lỏng, kể cả các thành phần lơ lửng trong chất lỏng đó, được thấm qua hoặc chảy ra từ chất thải được chôn lấp trong bãi chôn lấp chất thải rắn

3.3

Nước thải của các bãi chôn lấp chất thải rắn (Effluent of solid waste landfill sites)

Nước rỉ từ các bãi chôn lấp chất thải rắn được thu gom, xử lý và thải ra môi trường.

4 Giá trị giới hạn

4.1 Giá trị giới hạn của các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm trong nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn khi thải ra môi trường không được vượt quá các giá trị nêu trong bảng 1.

4.2 Nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn có giá trị các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị qui định trong cột A thì có thể thải vào các thủy vực thường được dùng làm nguồn nước cho mục đích sinh hoạt.

4.3 Nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn có giá trị các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột A nhưng nhỏ hơn hoặc bằng giá trị qui định trong cột B thì có thể thải vào các thủy vực khác trừ các thủy vực qui định ở cột A.

4.4 Nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn có giá trị các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị qui định trong cột C chỉ được thải vào các nơi qui định (như hồ chứa nước thải được xây riêng, cống dẫn đến nhà máy xử lý nước thải tập trung, các nơi được chỉ định, v.v.)

4.5 Phương pháp lấy mẫu, phân tích, xác định từng thông số cụ thể được qui định trong Bảng 1 của tiêu chuẩn này.

4.6 Các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm khác (không đặc thù cho nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn), thì áp dụng theo TCVN 5945 : 2005.

**Bảng 1 – Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm
trong nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn**

Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn			Phương pháp xác định
		A	B	C	
1. BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30	50	100	TCVN 6001 (ISO 5815)
2. COD	mg/l	50	300	400	TCVN 6491 : 1999 (ISO 6060 :1989)
3. Tổng nitơ	mg/l	15	60	90	TCVN 6638 : 2000 (ISO 10048 :1991)
4. Amoni, tính theo N	mg/l	5	25	30	TCVN 6179-1 : 1996 (ISO 7150 -1 : 1984) TCVN 6179-2 : 1996 (ISO 7150 2 : 1986)